TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25**/2019/DS-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2018,về việc tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-DS ngày 06/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-DS ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Xuân L1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn C xã T, huyện M1, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Thanh H, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Tổ A, thôn H, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trương Thị Tuyết D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ D, xã BQ, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Đinh Thị L2, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Tổ A, thôn H, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Ông Đinh Thanh H, sinh năm 1962. Theo văn bản ủy quyền được chứng thực số CT 1094 Quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người làm chứng:* Ông Đinh Xuân Đ3.

Nơi cư trú: Thôn M2, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông L1, ông H, bà D, ông Đ3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Đinh Xuân L1 trình bày:

Qua mối quan hệ họ hàng với ông Đinh Xuân Đ3, ông L1 biết đến ông Đinh Thanh H là người cùng quê nên qua lại với nhau, ngày 09/7/2016 ông H có hỏi mượn ông L1 số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) thì ông L1 đồng ý. Hai bên có lập giấy vay mượn bằng hình thức viết tay, có chữ ký xác nhận của ông H, với thời hạn vay mượn là đến 01/01/2017 và không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên hết thời hạn trên, dù ông L1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H vẫn cứ hứa hẹn, thất hứa nhiều lần. Nay ông L1 khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay, chỉ yêu cầu phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Đinh Thanh H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị L2) trình bày:

Từ mối quan hệ quen biết với ông Đ3 là người cùng quê, năm 2016 do ông L1 cùng bà D liên hệ để xin việc tại các trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên ông H có nhờ người quen là Đoàn Hữu N "chạy việc". Ông N có báo lại chi phí "chạy việc" cho L1 là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), còn bà D là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng thành 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Để thuận tiện, ông H đề nghị ông L1 gặp trực tiếp để trao đổi chuyện tiền bạc với ông N. Ngày 09/7/2016, ông L1 có giao cho ông H 130.000.000đồng như thỏa thuận để "chạy việc", tuy nhiên theo yêu cầu của ông N, ông H viết giấy mượn tiền chứ không viết nội dung nhận tiền "chạy việc", trong trường hợp không có việc làm thì ông N có trách nhiệm hoàn trả. Sau đó, ông H có chuyển 30.000.000đồng cho ông N, còn 100.000.000đồng giữa ông N, ông H và ông L1 thỏa thuận trả cho ông T nhà ở Hà Tĩnh, vì lý do trước đây ông N nhận "chạy việc" cho ông T nhưng thời điểm này ông T

không xin việc nữa. Một thời gian sau, ông H phát hiện ông N có dấu hiệu lừa tiền "chạy việc", nên làm đơn tố giác gửi đến cơ quan chức năng. Nay ông H xác định trách nhiệm trả nợ là thuộc ông Đoàn Hữu N, khi nào ông đòi được tiền từ ông N thì sẽ hoàn trả cho ông L1. Ngoài ra, ông H còn trình bày thêm rằng chuyện tiền bạc giữa ông và ông L1 không liên quan đến bà L2 là vợ của ông.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Tuyết D trình bày:

Thời điểm ông L1 cho ông H mượn tiền, bà và ông L1 chưa kết hôn với nhau, nên bà không liên quan và cũng không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án.

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người làm chứng Đinh Xuân Đ3 xác định ông Đinh Thanh H có mượn và nhận số tiền 130.000.000đồng từ ông Đinh Xuân L1, trong văn bản xác nhận nợ ông có ký tên làm chứng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, giấy có nội dung xác nhận vay mượn tiền đề ngày 09/7/2016, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Nhận định về việc giải quyết vụ án:* Xét thấy, thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 01/01/2017, là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, do đó áp dụng các quy định pháp luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào lời trình bày của cả nguyên đơn, bị đơn và nội dung văn bản xác nhận mượn tiền được lập ngày 09/7/2016, thể hiện được rằng ngày 09/7/2016 ông Đinh Thanh H có nhận số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) từ ông Đinh Xuân L1, đây là sự việc được các bên thừa nhận, đúng thực tế do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, ông H cho rằng việc ông nhận tiền là để đưa cho ông Đoàn Hữu N để "chạy việc" cho ông L1 và bà D, tuy nhiên xét thấy lời trình bày này chưa có đủ căn cứ để xác thực, bởi lẽ bản thân ông L1 không thừa nhận sự việc này, các tài liệu, chứng cứ mà ông H cung cấp tại phiên tòa

cũng không chứng minh được ông N có nhận 130.000.000đồng là tiền của ông L1 mà chỉ thể hiện ông N nợ ông H 990.000.000đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng), và danh sách nhận tiền chạy việc cũng do ông H tự lập chứ không có ai xác nhận. Mặt khác căn cứ vào lời khai của người làm chứng Đinh Xuân Đ3 và văn bản có nội dung xác nhận nợ lập ngày 09/7/2016 có chữ ký xác nhận của ông Đinh Xuân H, thể hiện nội dung:

"Hôm này ngày 09 tháng 07 năm 2016.

Ông Đinh Thanh H thôn H – Đ1 – Đ2– BT. Có mượn số tiền: 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) của cháu em anh Đ3 thôn M2 – Đ1, cháu Đinh Xuân L1. M1– Quảng Bình. Thời gian hoàn lại tháng 01-01-2017"

Tại phiên tòa, ông H thừa nhận chữ viết và chữ ký trong văn bản trên là của ông. Căn cứ vào nội dung văn bản trên, lời khai của người làm chứng Đinh Xuân Đ3, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Tính đến nay, ông H đã vi phạm thời hạn trả nợ cho ông L1, do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Xuân L1 về việc buộc ông Đinh Thanh H trả số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, ông L1 không yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến nay, chỉ yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, thấy rằng đây là yêu cầu phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông L1 không yêu cầu bà Đinh Thị L2 là vợ của ông Đinh Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án chỉ buộc ông Đinh Thanh H có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đinh Thanh H phải trả cho ông Đinh Xuân L1 số tiền 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đinh Xuân L1, ông Đinh Thanh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Đinh Thanh H phải chịu 6.500.000đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đinh Xuân L1 số tiền 3.250.000đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025011 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Tuyết D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (28/6/2019); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị L2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn